

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2025/DS-ST
Ngày: 18-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thanh Thúy;
2. Bà Nguyễn Thị Bé Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2025/TLST - DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2025/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2025/QĐST-DS ngày 30/5/2025, giữa:

1. Nguyên đơn:

Bà Hà Thị Kim H, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số B, ấp A, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 30/12/2024):

- Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1959; địa chỉ hộ khẩu: Tổ F N, phường Đ, Quận H, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên lạc: Số A, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955; nơi cư trú: Số A, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Bà Ngô Thị T1, sinh năm 1952; nơi cư trú: Số C, ấp B, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

(Ông T, bà N có yêu cầu xét xử vắng mặt, bà T1 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại đơn xin giải quyết vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà Hà Thị Kim H là hội viên có tham gia chơi hội do bà Ngô Thị T1 làm chủ hội, cụ thể các dây hội như sau:

- Dây hội thứ nhất: Khai ngày 10/02/2023 âm lịch, hội 1.000.000 đồng/tháng, bà H tham gia 08 phần hội, mỗi phần hội bà H đóng cho bà T1 800.000 đồng một tháng hội sống, tương đương mỗi tháng đóng 6.400.000 đồng, bà H đã đóng được 18 tháng, tổng cộng bà H đã đóng cho bà T1 là 6.400.000 đồng x 18 tháng = 115.200.000 đồng.

- Dây hội thứ hai: Khai ngày 15/4/2023 âm lịch, hội 1.000.000 đồng/tháng, bà H tham gia 10 phần, mỗi phần hội bà H đóng tiền cho bà T1 800.000 đồng tiền hội sống, tương đương mỗi tháng đóng 8.000.000 đồng, bà H đã đóng tiền hội cho bà T1 được 15 tháng, tổng cộng là 8.000.000 đồng x 15 tháng = 120.000.000 đồng.

- Dây hội thứ ba: Khai ngày 25/11/2023 âm lịch, hội 1.000.000 đồng/tháng, bà H tham gia 10 phần, mỗi phần hội bà H đóng tiền cho bà T1 800.000 đồng tiền hội sống, tương đương mỗi tháng đóng 8.000.000 đồng, bà H đã đóng tiền hội cho bà T1 được 07 tháng, tổng cộng là 8.000.000 đồng x 07 tháng = 56.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền hội mà bà T1 đã nhận của bà H là 291.200.000 đồng. Sau đó bà T1 có trả cho bà H được 10.000.000 đồng, hiện nay bà T1 còn nợ bà H số tiền là 281.200.000 đồng.

Vì vậy bà H khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị T1 có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền hội còn thiếu là 281.200.000đ (hai trăm tám mươi một triệu, hai trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bà H không đồng ý cho bà T1 trả dần hàng tháng. Đối với việc thỏa thuận trả dần hay bớt khoảng tiền nào thì khi nào thì hành án bà H sẽ xem xét lại sau.

Tại văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là bà Ngô Thị T1 trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà thống nhất, các dây hụi do bà H và số tiền hụi bà H trình bày là đúng. Bà thừa nhận hiện nay bà còn nợ bà H tổng cộng số tiền hụi là 281.200.000đ (hai trăm tám mươi một triệu, hai trăm nghìn đồng).

Nay bà đồng ý trả cho bà H số tiền hụi còn thiếu là 281.200.000đ (hai trăm tám mươi một triệu, hai trăm nghìn đồng) nhưng bà xin bà H cho bà trả dần hàng tháng mỗi tháng trả khoảng 500.000 đồng cho đến khi trả xong khoảng tiền nợ trên.

Nay kinh tế bà khó khăn nếu bà Hòa đồng Ý giảm cho bà khoảng tiền 31.200.000 đồng, còn lại 250.000.000 đồng thì bà sẽ về bàn bạc với gia đình, xem có được bao nhiêu tiền thì bà sẽ trả cho bà H bấy nhiêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố B, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông T và bà N là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị T1 có nghĩa vụ trả cho bà H tổng số tiền hụi còn thiếu là 281.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Giấy ghi tiền hụi.

Bị đơn bà T1 đồng ý trả cho bà H tổng số tiền hụi còn thiếu là 281.200.000 đồng, nhưng bà T1 xin bà H cho bà T1 trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả khoảng 500.000 đồng cho đến khi trả xong khoản tiền nợ trên. Nay do kinh tế bà khó khăn nếu, bà Hòa đồng Ý giảm cho bà khoảng tiền 31.200.000

đồng, còn lại 250.000.000 đồng thì bà sẽ về bàn bạc với gia đình, xem có được bao nhiêu tiền thì bà sẽ trả cho bà H bấy nhiêu.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bà H và bà T1 đều trình bày thống nhất hiện nay bà T1 còn nợ tiền hội của bà H tổng cộng là 281.200.000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ buộc bà T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền hội còn thiếu là 281.200.000 đồng. Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi.

Xét lời trình bày của bà T1 về việc hiện nay do kinh tế bà khó khăn nên bà xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả khoảng 500.000 đồng cho đến khi trả xong khoản tiền nợ trên và xin bà H giảm cho bà khoảng tiền 31.200.000 đồng; tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn bà H không đồng ý cho bà T1 trả dần và giảm cho bà T1 số tiền 31.200.000 đồng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời trình bày này của bà T1.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.060.000 đồng (281.200.000 đồng x 5%) nhưng do bà T1 thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 4, Điều 15, 18, 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường;

Căn cứ Điều 12 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Kim H đối với bà Ngô Thị T1 về việc tranh chấp hợp đồng góp hội. Cụ thể:

Buộc bà Ngô Thị T1 có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị Kim H tổng số tiền nợ hội là 281.200.000đ (hai trăm tám mươi một triệu, hai trăm nghìn đồng). Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bà Ngô Thị T1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Hà Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.030.000đ (bảy triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007870 ngày 07/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm My